

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 421/2025/HC-PT
Ngày 30 tháng 9 năm 2025
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Cường
Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công
Ông Võ Văn Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Như L - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 581/2025/TLPT-HC ngày 19 tháng 6 năm 2025 về: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2025/HC-ST ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 607/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Ngô Kiều M, sinh năm 1994; vắng mặt.

- **Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1966; theo Văn bản ủy quyền ngày 07/10/2024;

Cùng địa chỉ: Khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp); có mặt.

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp;
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện T: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho N bị kiện: Ông Huỳnh Công H, chức vụ: Phó Trưởng phòng Quản lý đất đai; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Ngô Kiều M là Người khởi kiện trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện Dự án cầu qua kênh Đ, ngày 15/12/2023 Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 2364/QĐ-UBND-NĐ về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà Nguyễn Ngô Kiều M, theo đó diện tích đất bị thu hồi là $200\text{m}^2 \times \text{giá bồi thường } 6.473.000 \text{ đồng/m}^2 = 1.294.600.000 \text{ đồng}$ và tiền hỗ trợ suất tái định cư là 120.000.000 đồng. Bà M cho rằng giá trị đất bồi thường theo giá thị trường là từ 13.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/m²; việc Ủy ban nhân dân huyện T áp dụng giá đất không đúng với giá đất tại thời điểm thu hồi là trái quy định tại Quyết định số 27 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; thửa đất bị thu hồi giáp đường L thời điểm trước tháng 09/2023 là đường đalan nhưng từ tháng 09/2023 đã khởi công nâng cấp thành đường nhựa bê tông từ tháng 01/2024 nên giá đất tăng từ 25 - 30% nhưng không áp dụng để tính giá bồi thường là không phù hợp; không giao nền tái định cư là không đảm bảo được chỗ ở cho gia đình bà. Vì vậy, bà M không đồng ý với Quyết định số 2364/QĐ-UBND nêu trên nên đã khiếu nại.

Tại Quyết định số 177/QĐ-UBND-NC ngày 27/02/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T giải quyết không chấp nhận khiếu nại của bà Nguyễn Ngô Kiều M, giữ nguyên Quyết định số 2364/QĐ-UBND-NĐ của Ủy ban nhân dân huyện T. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại này, bà M tiếp tục khiếu nại lên cấp trên. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 167/QĐ-UBND-NĐ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 2364/QĐ-UBND-NĐ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Không đồng ý với các quyết định giải quyết khiếu nại trên, bà Nguyễn Ngô Kiều M khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2364/QĐ-UBND-NĐ ngày 15/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T; hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 177/QĐ-UBND-NC ngày 27/02/2024 của Chủ tịch Ủy

ban nhân dân huyện T; hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 167/QĐ-UBND-NĐ ngày 23/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

- *Người bị kiện trình bày:* Việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với diện tích 200m² đất của bà Nguyễn Ngô Kiều M theo Quyết định số 2364/QĐ-UBND-NĐ ngày 15/12/2023, được Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện trên cơ sở pháp lý gồm: Khoản 2 Điều 74 và khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai năm 2013; Điều 3 Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T quy định chi tiết phương pháp định giá đất, xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; khoản 1 Điều 4 Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND 27/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Điều 5 Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quy định trình tự, thủ tục thực hiện việc xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và Quyết định số 121/QĐ-UBND-NĐ ngày 16/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ phê duyệt giá đất cụ thể làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án cầu qua kênh Đ, thị trấn T, huyện T. Vì vậy, Quyết định số 2364/QĐ-UBND-NĐ ngày 15/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T, Quyết định giải quyết khiếu nại số 177/QĐ-UBND-NC ngày 27/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, Quyết định giải quyết khiếu nại số 167/QĐ-UBND-NĐ ngày 23/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ là đúng pháp luật. Đề nghị Tòa án xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngô Kiều M.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2025/HC-ST ngày 14 tháng 5 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngô Kiều M đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 2364/QĐ-UBND-NĐ ngày 15/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án cầu qua kênh Đ; hủy Quyết định số 177/QĐ-UBND-NC ngày 27/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Ngô Kiều M (lần đầu); hủy Quyết định số 167/QĐ-UBND-NĐ ngày 23/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Ngô Kiều M (lần hai).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, bà Nguyễn Ngô Kiều M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Ngô Kiều M do ông Nguyễn Văn P đại diện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định số 2364/QĐ-UBND-NĐ ngày 15/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T; hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 177/QĐ-UBND-NC ngày

27/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T; hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 167/QĐ-UBND-NĐ ngày 23/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ với lý do:

Ủy ban nhân dân huyện T áp giá bồi thường thấp vì không đúng giá thị trường là từ 13.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/1m² theo Quyết định số 27 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; thửa đất bị thu hồi giáp đường L, thời điểm trước tháng 09/2023 là đường đất nhưng từ tháng 09/2023 đã khởi công nâng cấp thành đường nhựa bê tông từ tháng 01/2024 nên giá đất tăng từ 25 - 30% nhưng không áp dụng để tính giá bồi thường là không phù hợp; đặc biệt không giao nền tái định cư là chưa đảm bảo được chỗ ở cho người bị thu hồi đất.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Từ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 2364/QĐ-UBND-NĐ ngày 15/12/2023 và các quyết định giải quyết khiếu nại số 177 và 167 đã được thực hiện đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính trên nhưng không có căn cứ pháp lý. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Ngô Kiều M nộp trong hạn luật định, đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của Người khởi kiện như sau:

[4.1] Bà Nguyễn Ngô Kiều M là chủ sử dụng hợp pháp đối với diện

tích 200m² đất thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 74 tại Thôn T và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/01/2021.

Ngày 27/6/2022, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 861/QĐ-UBND-HC phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án cầu qua kênh Đ, nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; mở rộng khu vực đô thị; góp phần hoàn chỉnh mạng lưới giao thông; kết nối với các khu dân cư, các khu trung tâm thương mại dự kiến và kết nối với tuyến đê bao biển đổi khí hậu; phát triển đồng bộ về hạ tầng theo quy hoạch chung thị trấn T; tạo tiền đề cho sự phát triển của thị trấn T đạt đô thị loại IV đến năm 2025, với tổng mức đầu tư 71.318.635.000 đồng. Theo đó, Ủy ban nhân dân huyện T giao các ngành chức năng huyện khảo sát, lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, hoàn chỉnh phương án, trình thẩm định, báo cáo thông qua Hội đồng xem xét.

Ngày 10/3/2023, Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện T ký kết Hợp đồng số 316/2023/HĐ-VAL thuê Công ty Cổ phần T1 thực hiện tư vấn xác định đơn giá đất để làm cơ sở lập phương án bồi thường đối với dự án nêu trên. Ngày 16/6/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 121/QĐ-UBND-NĐ phê duyệt đơn giá đất cụ thể làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án cầu qua kênh Đ, thị trấn T, huyện T.

Ngày 13/12/2023, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành các Quyết định số 2300/QĐ-UBND-NĐ phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 2) dự án cầu qua kênh Đ và số 2297/QĐ-UBND-NĐ thu hồi quyền sử dụng đất (đợt 2) thuộc dự án cầu qua kênh Đ (thu hồi diện tích 200m², mục đích sử dụng ODT, thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 74 của bà Nguyễn Ngô Kiều M).

Ngày 15/12/2023, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 2364/QĐ-UBND-NĐ về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà Nguyễn Ngô Kiều M để thực hiện dự án cầu Q với số tiền là 1.414.600.000 đồng; trong đó, bồi thường về đất 1.294.600.000 đồng, hỗ trợ suất tái định cư 120.000.000 đồng).

[4.2] Tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”. Tại Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2020-2024), thì đất ở đô thị của bà Nguyễn Ngô Kiều M tại đường L, ở vị trí A, thị trấn T có đơn giá

1.000.000 đồng/m².

Trên cơ sở khảo sát, thu thập thông tin về thửa đất cần định giá theo phương pháp định giá đất so sánh trực tiếp; báo cáo thuyết minh kết quả định giá đất cho Hội đồng thẩm định giá đất của Công ty Cổ phần T1, tại Quyết định số 121/QĐ-UBND-NĐ ngày 16/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ phê duyệt đơn giá đất cụ thể làm cơ sở lập phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án cầu qua kênh Đ thuộc thị trấn T, huyện T, thì đất ở đô thị của bà Nguyễn Ngô Kiều M tại đường L, L, vị trí A, thị trấn T có đơn giá là 6.473.000 đồng/m² là cao hơn giá quy định tại Quyết định số 36 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ là 5.473.000 đồng/m².

Vì vậy, việc bà M khởi kiện yêu cầu được tăng mức bồi thường lên 12.000.000 đồng/m² ở vị trí 2 và 9.000.000 đồng/m² ở vị trí C đường V là không có cơ sở chấp nhận.

[4.3] Như vậy, Quyết định số 2364/QĐ-UBND-NĐ ngày 15/12/2023 nêu trên đã được Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 74, khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai năm 2013; Điều 3 Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T quy định chi tiết phương pháp định giá đất, xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; khoản 1 Điều 4 Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND 27/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Điều 5 Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quy định trình tự, thủ tục thực hiện việc xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và Quyết định số 121/QĐ-UBND-NĐ ngày 16/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ phê duyệt giá đất cụ thể làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án cầu qua kênh Đ, thị trấn T, huyện T.

[4.4] Từ việc xác định Quyết định số 2364/QĐ-UBND-NĐ ngày 15/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và có nội dung phù hợp với quy định pháp luật hiện hành nên các Quyết định giải quyết khiếu nại số 177/QĐ-UBND-NC ngày 27/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và Quyết định giải quyết khiếu nại số 167/QĐ-UBND-NĐ ngày 23/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cũng là hợp pháp.

[4.5] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Ngô Kiều M cho rằng giá đất bồi thường không phù hợp nhưng không dẫn chứng được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra, người đại diện theo ủy quyền của bà M còn cho rằng bà M đủ tiêu chuẩn được hưởng nền đất tái định cư nhưng Ủy ban nhân dân huyện T không xem xét. Tuy nhiên, xét thấy tại thời điểm thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà M, Ủy ban nhân dân huyện T không còn đủ quỹ đất nên đã hỗ trợ

bằng tiền tương đương với suất tái định cư là phù hợp với quy định tại Điều 79 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, kháng cáo của bà Nguyễn Ngô Kiều M không được chấp nhận.

[5] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Người kháng cáo phải chịu.

[7] Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2025/HC-ST ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Ngô Kiều M do ông Nguyễn Văn P đại diện; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2025/HC-ST ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Áp dụng: Các điều khoản 62, 66, 67, 68, 69 khoản 2 Điều 74, Điều 76, 79, Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Luật Khiếu nại tố cáo; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Trưởng Bộ T và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngô Kiều M do ông Nguyễn Văn P là người đại diện đề nghị Tòa án hủy:

Quyết định số 2364/QĐ-UBND-NĐ ngày 15/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án cầu qua kênh Đ;

Quyết định số 177/QĐ-UBND-NC ngày 27/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Ngô Kiều M;

Quyết định số 167/QĐ-UBND-NĐ ngày 23/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Ngô Kiều M.

2. Về án phí:

2.1. Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngô Kiều M phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm ứng án theo Biên lai thu số 0013016 ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp).

2.2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Ngô Kiều M phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm ứng theo Biên lai thu số 0000108 ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp).

- Các quyết định khác của nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2025/HC-ST ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Vụ Pháp chế và Quản lý Khoa học;
- Viện CT & KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA - NTCL

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Mạnh Cường